

REFERENCE LIST

- | | | |
|-----|---------------------------------|--------------------------|
| 1. | A: Nǐ shì shéi? | Who are you? |
| | B: Wǒ shì Wáng Dànián. | I am Wáng Dànián. |
| 2. | A: Nǐ shì shéi? | Who are you? |
| | B: Wǒ shì Hú Měilíng. | I am Hú Měilíng. |
| 3. | A: Tā shì shéi? | Who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Mínglǐ. | He is Mǎ Mínglǐ. |
| 4. | A: Tā shì Mǎ Mínglǐ. | He is Mǎ Mínglǐ. |
| | B: Tā shì Hú Měilíng. | She is Hú Měilíng. |
| 5. | A: Nǐ xìng shénme? | What is your surname? |
| | B: Wǒ xìng Wáng. | My surname is Wáng. |
| 6. | A: Tā xìng shénme? | What is his surname? |
| | B: Tā xìng Mǎ. | His surname is Mǎ. |
| 7. | A: Tā shì shéi? | Who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Xiānsheng. | He is Mr. Mǎ. |
| 8. | A: Tā shì shéi? | Who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Mínglǐ Xiānsheng. | He is Mr. Mǎ Mínglǐ. |
| 9. | A: Wáng Xiānsheng, tā shì shéi? | Mr. Wáng, who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Mínglǐ Xiānsheng. | He is Mr. Mǎ Mínglǐ. |
| 10. | A: Xiānsheng, tā shì shéi? | Sir, who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Xiānsheng. | He is Mr. Mǎ. |
| 11. | A: Xiānsheng, tā shì shéi? | Sir, who is she? |
| | B: Tā shì Mǎ Tàitai. | She is Mrs. Mǎ. |
| 12. | A: Wáng Xiānsheng, tā shì shéi? | Mr. Wáng, who is she? |
| | B: Tā shì Mǎ Mínglǐ Tàitai. | She is Mrs. Mǎ Mínglǐ. |
| 13. | A: Wáng Xiānsheng, tā shì shéi? | Mr. Wáng, who is she? |
| | B: Tā shì Mǎ Xiǎojiě. | She is Miss Mǎ. |
| 14. | A: Tā shì shéi? | Who is he? |
| | B: Tā shì Mǎ Mínglǐ Tóngzhì. | He is Comrade Mǎ Mínglǐ. |

15. A: Tóngzhì, tā shì shéi? Comrade, who is she?
B: Tā shì Fāng Bǎolán. She is Fāng Bǎolán.
16. A: Tóngzhì, tā shì shéi? Comrade, who is she?
B: Tā shì Fāng Bǎolán Tóngzhì. She is Comrade Fāng Bǎolán.

VOCABULARY

nǐ	you
shéi	who
shénme	what
shì	to be
tā	he, she
tàitai	Mrs.
tóngzhì	Comrade
wǒ	I
xiānsheng	Mr.; sir
xiǎojiě (xiǎojie)	Miss
xìng	to be surnamed